TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/DS-ST
Ngày: 24/7/2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Sáu
2. Ông Tô Thành

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Châu Ngọc Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 199/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng mua bán, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện E, tỉnh Sóc Trăng. Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Kim C: Bà Lâm Thị Hằng G, sinh năm 1988, địa chỉ: Số 138 ấp 3, thị trấn H, huyện E, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc I, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 10 năm 2022, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 16 tháng 11 năm 2022, đơn yêu cầu thay đổi nội dung đơn khởi kiện ngày 08/5/2023, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ngày hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lâm Thị Hằng G, trình bày:

Vào năm 2022, ông Nguyễn Văn B có thỏa thuận bán lúa cho ông Nguyễn Quốc I, việc thỏa thuận không có giấy tờ vì là chỗ quen biết. Từ ngày 22/02/2022 đến ngày 12/3/2022, ông Nguyễn Văn B đã bán cho ông Nguyễn Quốc I 27 ghe lúa tổng số lượng lúa là 1.083.672 kg, giá tiền là 5.800 đồng/ký = tổng số tiền là 6.285.927.600 đồng (*Sáu tỷ hai trăm tám mươi lăm triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm đồng*). Cụ thể các lần như sau:

Lần 1: Ngày 22/02/2022 bán 38140 ký với giá 5.800đồng, thành tiền là 221.212.000 đồng.

Lần 2: Ngày 23/02/2022, bán 37175 ký với giá 5.800đồng, thành tiền là 215.615.000 đồng.

Lần 3: Ngày 25/02/2022, bán 39045 ký với giá 5.800đồng, thành tiền 226.461.000 đồng.

Lần 4: Ngày 27/02/2022, bán 33000 ký với giá 5.800đồng, thành tiền là 191.400.000 đồng

Lần 5: Ngày 27/02/2022, bán 37132 ký với giá 5.800 đồng, thành tiền là 215.365.600 đồng

Lần 6: Ngày 28/02/2022, bán 37889 ký với giá 5.800đồng, thành tiền là 219.756.200 đồng

Lần 7: Ngày 29/02/2022, bán 43160 ký với giá 5.800đồng, thành tiền là 250.328.000 đồng

Lần 8: Ngày 01/3/2022, bán 36174 ký với giá 5.800đồng, thành tiền là 209.809.200 đồng

Lần 9: Ngày 02/3/2022, bán 37444 ký với giá 5.800đồng, thành tiền là 217.175.200 đồng

Lần 10: Ngày 03/3/2022, bán 36965 ký với giá 5.800đồng, thành tiền là 214.397.000 đồng

Lần 11: Ngày 03/3/2022, bán 44042 ký với giá 5.800đồng, thành tiền là 255.443.600 đồng

Lần 12: Ngày 03/3/2022, bán 36513 ký với giá 5.800đồng, thành tiền là 211.775.400 đồng

Lần 13: Ngày 03/3/2022, bán 72873 ký với giá 5.800 đồng, thành tiền là 422.663.400đồng

Lần 14: Ngày 05/3/2022, bán 36589 ký với giá 5.800 đồng, thành tiền là 212.216.200 đồng

Lần 15: Ngày 06/3/2022, bán 36801 ký với giá 5.800 đồng, thành tiền là 213.445.800 đồng

Lần 16: Ngày 07/3/2022, bán 33986 ký với giá 5.800 đồng, thành tiền là 197.118.800 đồng

Lần 17: Ngày 07/3/2022, bán 36925 ký với giá 5.800 đồng, thành tiền là 214.165.000 đồng

Lần 18: Ngày 09/3/2022, bán 43018 ký với giá 5.800 đồng, thành tiền là 249.504.400 đồng

Lần 19: Ngày 10/3/2022, bán 33806 ký với giá 5.800 đồng, thành tiền là 196.074.800 đồng

Lần 20: Ngày 10/3/2022, bán 40219 ký với giá 5.800 đồng, thành tiền là 233.270.200 đồng

Lần 21: Ngày 11/3/2022, bán 33742 ký với giá 5.800 đồng, thành tiền là 195.703.600 đồng

Lần 22: Ngày 11/3/2022, bán 36927 ký với giá 5.800 đồng, thành tiền là 214.176.600đồng

Lần 23: Ngày 11/3/2022, bán 46287 ký với giá 5.800 đồng, thành tiền là 268.464.600đồng

Lần 24: Ngày 11/3/2022, bán 51635 ký với giá 5.800 đồng, thành tiền là 299.483.000đồng

Lần 25: Ngày 11/3/2022, bán 37331 ký với giá 5.800 đồng, thành tiền là 216.519.800đồng

Lần 26: Ngày 12/3/2022, bán 44774 ký với giá 5.800 đồng, thành tiền là 259.689.200đồng

Lần 27: Ngày 12/3/2022, bán 42080 ký với giá 5.800 đồng, thành tiền là 244.064.000đồng

Ngoài ra, ông B có cho chủ 27 ghe ứng tiền tổng cộng là 111.000.000 đồng (*một trăm mười một triệu đồng*), việc cho ghe ứng tiền là do ông I yêu cầu, không có biên nhận ứng tiền chỉ có danh sách từng ghe ứng do ông B tự theo dõi.

Tổng số tiền mà ông I thiếu ông B gồm:

Tiền lúa: 10.83672 kg x 5.800 đồng= 6.285.927.600 đồng

Tiền cho ghe ứng: 111.000.000 đồng

Tổng cộng là: 6.396.927.600 đồng.

Ông I đã trả tiền mặt: 220.000.000 đồng

Ông I giao tiền cọc: 40.000.000 đồng

Ông I đã chuyển trả qua tài khoản ngân hàng của ông B số tiền: 5.261.800.000 đồng

Ngày 12/5/2022, ông I trả: 51.000.000 đồng

Ngoài ra, ông B có mua của ông I 15 tấn lúa giống số tiền: 157.500.000 đồng.

Như vậy, số tiền ông I còn nợ ông B là: 6.396.927.600 đồng – 220.000.000 đồng – 40.000.000 đồng – 5.261.800.000 đồng – 51.000.000 đồng- 157.000.000 đồng = 665.997.600 đồng.

Ngày 26/5/2022, ông B yêu cầu ông I viết biên nhận còn nợ số tiền 665.997.600 đồng nhưng ông I chỉ ghi còn nợ ông B số tiền là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu), ông B không đồng ý và yêu cầu ông I phải ghi đủ số tiền còn nợ là 665.997.600 đồng, ông I nói rằng ghi chẵn số tiền còn nợ là 600.000.000 đồng, phần 65.997.600 đồng vài ngày nữa ông I sẽ trả, không cần ghi. Do chỗ quen biết làm ăn đã lâu nên ông B cũng đồng ý. Tuy nhiên, sau đó, ông I vẫn không trả tiền như đã hứa.

Ông B đã nhiều lần yêu cầu ông I phải trả số tiền còn nợ thì đến ngày 20/6/2022 ông I chuyển trả số tiền là 90.000.000 đồng; ngày 05/7/2022 ông I chuyển trả số tiền là 90.000.000 đồng, tổng 02 lần chuyển cuối cùng là 180.000.000 đồng (*một trăm tám mươi triệu đồng*). Số tiền ông I còn nợ ông B là 485.997.600 đồng (*bốn trăm tám mươi lăm triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn, sáu trăm đồng*)

Do đó, ông B yêu cầu ông Nguyễn Quốc I phải có nghĩa vụ trả cho số tiền còn nợ là 485.997.600 đồng (*bốn trăm tám mươi lăm triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn, sáu trăm đồng*), yêu cầu Nguyễn Quốc I phải trả số tiền lãi suất của số tiền mua lúa còn nợ là 485.997.600 đồng tính từ ngày 06/07/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định hiện hành và lãi sau ngày xét xử.

Theo bị đơn ông Nguyễn Quốc I trình bày: Giữa ông và ông B có thực hiện giao dịch mua bán lúa với nhau. Thời gian đầu ông mua lúa của ông B thông qua ông Nguyễn Mvà Đinh N. Thời gian sau ông B không đồng ý bán lúa cho ông thông qua ông Nguyễn N, ông Đinh N. Việc mua bán là mua bán đứt đoạn, sau khi cho lúa xuống ghe thì phải thanh toán tiền thì ông B mới đồng ý cho ghe chở lúa đi. Tổng số lúa ông đã mua của ông B là 1.064 tấn lúa, thỏa thuận 500 tấn lúa đầu với giá 5.800đồng/kg, 564 tấn lúa sau với giá 5.600đồng/kg, tổng cộng là 6.058.400.000 đồng.

Việc thanh toán tiền là ông sẽ chuyển khoản tiền cho ông Nguyễn Quốc Tiển, ông Nguyễn Quốc Tiển sẽ giao tiền lại cho ông B. Thời gian sau ông Tiển kêu ông chuyển tiền thẳng vào số tài khoản của ông B.

Ông đã chuyển khoản thanh toán cho ông B nhiều lần được số tiền 5.441.800.000 đồng, ông không có chứng từ gì chứng B đã chuyển khoản cho ông B số tiền 5.441.800.000 đồng.

Ngoài ra, ông có bán cho ông B 15 tấn lúa giống với giá 12.000 đồng/kg = 180.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Quốc Tiển và Đinh Mlà cò lúa, ông đã đưa tiền cọc cho ông Đinh M50.000.000 đồng; đưa cho ông Nguyễn Quốc Tiển 150.000.000 đồng. Ông Đinh Mvà ông Nguyễn Quốc Tiển thanh toán tiền lúa cho ông B, lẽ ra ông B phải thanh toán tiền cò cho ông Nguyễn Quốc Tiển và Đinh Mnhưng ông B không thanh toán nên ông B còn nợ của tôi 40.000.000 đồng tiền cò lúa.

Trong số lúa ông B giao thì có 120 tấn lúa lẫn, giảm 500đồng/kg gây thiệt hại cho ông 60.000.000 đồng; 240 tấn lúa hư, giảm 2.425đồng/kg gây thiệt hại cho ông 582.000.000 đồng.

Tổng số tiền lúa ông đã mua của ông B là 6.058.400.000 đồng trừ số tiền ông đã chuyển khoản thanh toán là 5.441.800.000 đồng – tiền lúa giống 180.000.000 đồng – tiền cò 40.000.000 đồng – tiền lúa lẫn, lúa hư 642.000.000 đồng thì ông B còn nợ ông số tiền 245.400.000 đồng tuy nhiên, ông không yêu cầu ông B thanh toán cho ông số tiền ông B còn nợ là 245.400.000 đồng.

Ông thừa nhận vào ngày 26/5/2022, ông có viết biên nhận còn nợ ông B số tiền 600.000.000 đồng, hứa đến ngày 10/6/2022 sẽ thanh toán nhưng sau đó ông chỉ thanh toán cho ông B được số tiền 180.000.000 đồng, còn nợ lại 420.000.000 đồng nhưng do

ông B giao lúa hư, lúa lẫn cho ông làm ông bị thiệt hại, ông yêu cầu ông B trừ vào phần thiệt hại cho ông. Việc ông B giao lúa lẫn, lúa hư ông không có gì chứng B.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Kim C buộc ông Nguyễn Quốc I có nghĩa vụ thanh toán cho ông B, bà C số tiền còn nợ là 420.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 06/7/2022 đến ngày 24/7/2023 theo lãi suất 0,83%/tháng của số tiền 420.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của ông B, bà C yêu cầu ông I thanh toán số tiền 65.997.600 đồng. Án phí dân sự có giá ngạch các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu ông Nguyễn Quốc I thanh toán tiền mua mua bán lúa. Hiện nay, ông Nguyễn Quốc I cư trú tại ấp K, xã L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu ông Nguyễn Quốc I thanh toán số tiền 485.997.600 đồng.

[3.1] Ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Kim C và ông Nguyễn Quốc I đều thừa nhận vào năm 2022, ông B có thực hiện giao dịch bán lúa cho ông I, việc mua bán không có hợp đồng cũng như giấy tờ thỏa thuận hai bên. Theo ông B xác định tổng số lúa đã bán cho ông I là 27 ghe lúa, bán từ ngày 22/02/2022 đến ngày 12/3/2022 là 1.083.672kg lúa tươi với giá là 5.800 đồng/kg thành tiền là 6.285.927.600 đồng. Ông I

đã giao tiền mặt cho ông B là 220.000.000 đồng, đặt cọc số tiền 40.000.000 đồng và chuyển trả qua tài khoản ngân hàng là 5.261.800.000 đồng. Ngoài ra, ông B có mua 15 tấn lúa giống từ ông I với số tiền theo ông B xác định là 157.500.000 đồng. Đối trừ các khoản tiền ông B bán lúa cho ông I và ông B cho các ghe chở lúa cho ông I ứng trừ đi số tiền ông I đã thanh toán thì ông I còn nợ ông B số tiền 665.997.600 đồng.

[3.2] Tuy nhiên, ông I không thừa nhận còn nợ số tiền này, ông I cho rằng tổng số lúa ông đã mua của ông B là 1.064 tấn lúa, thỏa thuận 500 tấn lúa đầu với giá 5.800đồng/kg = 2.900.000.000 đồng; 564 tấn lúa còn lại mua với giá 5.600đồng/kg = 3.158.400.000 đồng, tổng tiền lúa ông đã mua của ông B là 6.058.400.000 đồng, ông đã chuyển khoản thanh toán cho ông B là 5.441.800.000 đồng; ông bán cho ông B 15 tấn lúa giống bằng 180.000.000 đồng, ông giao cho ông B tiền cò 40.000.000 đồng, thanh toán tiền mặt là 51.000.000 đồng. Ngoài ra, trong tổng số lúa ông B giao cho ông có 120 tấn lúa lẫn, gây thiệt hại cho ông 60.000.000 đồng; 240 tấn lúa hư, gây thiệt hại cho ông 582.000.000 đồng. Đối trừ số tiền ông còn nợ ông B thì ông B còn thiếu ông số tiền 245.400.000 đồng nhưng ông không yêu cầu ông B thanh toán cho ông.

[3.3] Hội đồng xét xử xét thấy, ông B và ông I đều thừa nhận có giao dịch mua bán lúa nhưng không thống nhất về số tổng số lúa ông B đã bán cho ông I và số tiền ông I còn thiếu ông B, đồng thời, việc mua bán không có giấy tờ chứng B nên không thể căn cứ vào lời khai của cả hai để xác định số tiền ông I còn nợ ông B. Tuy nhiên, cả ông B và ông I đều thừa nhận ngày 26/5/2022, ông I có viết biên nhận thể hiện ông I còn nợ ông B số tiền 600.000.000 đồng. Căn cứ vào biên nhận này thì đến ngày 26/5/2022, ông I còn nợ ông B 600.000.000 đồng. Tuy ông B cho rằng số tiền thực tế ông B còn nợ là 665.997.600 đồng nhưng ông I không thừa nhận và cũng không có giấy tờ gì chứng B. Mặc khác, ông I cho rằng ông và ông B là mua bán đứt đoạn, thanh toán tiền thì ghe mới được chở lúa đi nhưng lời khai này không chính xác vì ngày ông B và ông I bắt đầu mua bán là ngày 22/02/2022 đến ngày 12/3/2022 là kết thúc mua bán nhưng đến ngày 26/5/2022 ông I lại ký biên nhận còn nợ ông B số tiền 600.000.000 đồng. Sau đó, ngày 20/6/2022, ông I chuyển trả cho ông B số tiền 90.000.000 đồng, ngày 05/7/2022, ông I chuyển trả số tiền 90.000.000 đồng. Như vậy, việc ông I cho rằng giữa ông và ông B là bán đứt đoạn là không chính xác. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ vào biên nhận ngày 26/5/2022 do ông I viết thì ông I còn nợ ông B số tiền 600.000.000 đồng. Ngày 20/6/2022, ông I chuyển trả cho ông B số tiền 90.000.000 đồng, ngày 05/7/2022, ông I chuyển trả số tiền 90.000.000 đồng, như vậy số tiền ông I còn nợ ông B và bà C là 420.000.000 đồng và ông I phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền này cho ông B, bà C. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông B, bà C buộc ông I thanh toán số tiền 65.997.600 đồng.

[3.4] Việc ông I cho rằng ông B có bán lúa lẫn, lúa hư cho ông gây thiệt hại số tiền 642.000.000 đồng không có gì để chứng B, không được ông B thừa nhận và ông I cũng không yêu cầu ông B phải hoàn trả số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Kim C với ông Nguyễn Quốc I: Ông B, bà C yêu cầu ông I thanh toán tiền lãi của số tiền 485.997.600 đồng theo lãi suất pháp luật quy định từ ngày 06/7/2022 đến khi thanh toán hết nợ. Xét thấy, do yêu cầu thanh toán tiền vốn của ông B chỉ được chấp nhận là 420.000.000 đồng nên chỉ chấp nhận yêu cầu tính lãi trên số tiền được chấp nhận là 420.000.000 đồng. Theo quy đinh tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì lãi suất được tính tương đương 0,83%/tháng. Ông B yêu cầu tính lãi từ ngày ông I vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền là ngày 06/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 24/7/2023 = 12 tháng 18 ngày. Tiền lãi: 420.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 12 tháng 18 ngày = 43.923.600 đồng. Số tiền lãi ông B, bà C yêu cầu không được chấp nhận là: (485.997.600 đồng x 0,83% x 12 tháng 18 ngày) - (420.000.000 đồng x 0,83% x 12 tháng 18 ngày) = 6.902.028 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu trên số tiền vốn, lãi không được chấp nhận là: (65.997.600 đồng + 6.902.028 đồng) x 5% = 3.644.981 đồng.

Ông Nguyễn Quốc I phải chịu án phí đối với nghĩa vụ thanh toán nợ là (420.000.000 đồng + 43.923.600 đồng) = 463.923.600 đồng, án phí = 22.556.944 đồng.

[6] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu ông Nguyễn Quốc I thanh toán tiền mua lúa còn nợ là 420.000.000 (Bốn trăm hai mươi triệu) đồng và lãi phát sinh từ ngày 06/7/2022 đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất pháp luật quy định.

2. Buộc ông Nguyễn Quốc I có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Kim C số tiền mua lúa còn nợ là 420.000.000 (Bốn trăm hai mươi triệu) đồng và tiền lãi tính từ ngày 06/7/2022 đến ngày 24/7/2023 là 43.923.600 (Bốn mươi ba triệu chín trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm) đồng, tổng cộng là 463.923.600 (Bốn trăm

sáu mươi ba triệu chín trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm) đồng.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu ông Nguyễn Quốc I thanh toán tiền mua lúa và tiền lãi là 72.899.628 (Bảy mươi hai triệu tám trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi tám) đồng.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu 3.644.981 (Ba triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm tám mươi mốt) đồng. Ông B, bà C đã nộp tạm ứng án phí 13.096.500 (Mười ba triệu không trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm) đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001309 ngày 24/11/2022 được chuyển thu án phí. Ông B, bà C được hoàn lại 9.451.519 (Chín triệu bốn trăm năm mươi mốt nghìn năm trăm mười chín) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Nguyễn Quốc I phải chịu án phí đối với nghĩa vụ thanh toán nợ là (420.000.000 đồng + 43.923.600 đồng) = 463.923.600 đồng, án phí = 22.556.944 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Nguyễn Quốc I phải chịu là 22.556.944 (Hai mươi hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm bốn mươi bốn) đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

7. Ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Kim C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Quốc I có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bạc Liêu;;
- VKSND huyện A;
- CCTHADS huyện A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;;

- Viện kiểm sát nhân dân huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA